BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2012/TT-BLĐTBXH	*Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2012*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu chung đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu

Căn cứ Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu chung;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Lao động - Tiền lương;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu chung đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu,

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; thành viên Hội đồng thành viên (hoặc Chủ tịch công ty), Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, bao gồm:

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập thuộc các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ trong mô hình công mẹ - công ty con do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng các Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định chuyển đổi, thành lập, phê duyệt điều lệ tổ chức hoạt động.

3. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do công ty mẹ quy định tại khoản 2 Điều này làm chủ sở hữu.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 nêu trên sau đây gọi tắt là công ty.

Điều 2. Áp dụng mức lương tối thiểu chung để tính các mức lương

Công ty áp dụng mức lương tối thiểu chung 1.050.000 đồng/tháng để tính các mức lương, mức phụ cấp lương kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 như sau:

1. Căn cứ mức lương tối thiểu chung và hệ số lương trong các thang lương, bảng lương và phụ cấp lương quy định tại Nghị định số 205/2004/NĐ-CP, Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ, công ty tính lại mức lương, phụ cấp lương làm cơ sở đóng, hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; tiền lương ngừng việc; tiền lương ngày nghỉ lễ, nghỉ hàng năm và các chế độ khác theo quy định của pháp luật lao động.

2. Việc tính mức lương trong các thang lương, bảng lương và phụ cấp lương được thực hiện như sau: lấy hệ số lương cấp bậc theo chức danh nghề, công việc; hệ số lương chuyên môn, nghiệp vụ; hệ số lương chức vụ được xếp, phụ cấp lương, hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có) nhân với mức lương tối thiểu chung 1.050.000 đồng/tháng.

Điều 3. Áp dụng mức lương tối thiểu chung để tính trợ cấp

Công ty áp dụng mức lương tối thiểu chung 1.050.000 đồng/tháng để tính trợ cấp đối với lao động dôi dư theo Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu như sau:

1. Tính trợ cấp mất việc làm, hỗ trợ thêm cho thời gian làm việc trong khu vực nhà nước và trợ cấp đi tìm việc làm từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 trở đi đối với người lao động dôi dư thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động, nhận trợ cấp mất việc làm, hỗ trợ thêm theo quy định tại khoản 4, Điều 3 và Điều 4 Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ.

Khi thực hiện các khoản trợ cấp, hỗ trợ thêm nêu trên thì công ty bổ sung thêm các cột tương ứng để tính thời gian làm việc thực tế trong khu vực nhà nước và tính trợ cấp mất việc làm vào biểu số 9, 9a và biểu số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

2. Tính trợ cấp thêm từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 trở đi đối với người lao động dôi dư thuộc diện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 3 Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2012 và thay thế Thông tư số 12/2011/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 4 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu chung đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Các chế độ quy định tại Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2012.

2. Mức lương tối thiểu chung quy định tại Điều 1 Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ, từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 được dùng làm căn cứ xác định đơn giá tiền lương và quỹ tiền lương đối với các công ty, tổ chức, đơn vị theo quy định tại khoản 3, Điều 5 Thông tư số 23/2011/TT-BLĐTBXH ngày 16 tháng 9 năm 2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc ở công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình, cá nhân và các cơ quan, tổ chức có thuê mướn lao động.

3. Các công ty quy định Điều 1 Thông tư này và các tổ chức, đơn vị của Nhà nước đang áp dụng chế độ như công ty nhà nước, từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 được thực hiện mức tiền chi bữa ăn giữa ca cho người lao động không vượt quá 680.000 đồng/người/tháng. Việc thực hiện chế độ ăn giữa ca theo hướng dẫn tại Thông tư số 22/2008/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 10 năm 2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ ăn giữa ca trong công ty nhà nước.

4. Đối với các tổ chức, đơn vị của Nhà nước, công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được chuyển đổi từ công ty nhà nước hoặc chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu đang áp dụng, vận dụng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương do Nhà nước quy định đối với công ty nhà nước tại Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ thì áp dụng mức lương tối thiểu chung quy định tại Điều 1 Nghị định số 31/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ để tính lại mức lương, phụ cấp lương trong thang lương, bảng lương, phụ cấp lương làm căn cứ tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; tiền lương ngừng việc; tiền lương ngày nghỉ lễ, nghỉ hàng năm và các chế độ khác theo quy định của pháp luật lao động.

5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các công ty thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để hướng dẫn bổ sung kịp thời./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phạm Minh Huân

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15/2012/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012*

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục bổ sung thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29/4/2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Thú y;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục bổ sung thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục bổ sung thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thú y, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước có hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc thú y tại Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Diệp Kỉnh Tần

DANH MỤC
BỔ SUNG THUỐC THÚ Y, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2012/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. DANH MỤC BỔ SUNG THUỐC THÚ Y

A. DANH MỤC BỔ SUNG THUỐC THÚ Y SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

HÀ NỘI

1. Công ty Cổ phần Dược và Vật tư thú y (HANVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Han-Metoxin 50 WS	Sulfamonomethoxine	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g	Trị sưng phù đầu, viêm teo mũi truyền nhiễm, viêm ruột hoại tử, tiêu chảy trên lợn, gia cầm	TW-X2-192

2. Công ty Cổ phần thuốc thú y SVT Thái Dương

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	SVT-Ceftio	Ceftiofur (HCl)	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp trên heo; bệnh đường hô hấp, viêm kẽ móng hoại tử, viêm tử cung cấp tính trên trâu, bò	SVT-40
2	SUN-Dextranfe	Fer (dextran) Vitamine B_{12}	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt trên bê, heo con	SVT-41
3	SUN-Oytetra LA	Oxytetracyclin (dihydrat) Flunixin (meglumin)	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp cấp tính gây viêm và sốt do *Mannheimia (Pasteurella) haemolytica* và *Pasteurella multocida* nhạy cảm với oxytetracyclin gây ra trên trâu, bò	SVT-42

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
4	SUN-Trimesul	Sufadimethoxine (Na) Trimethoprime	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim và Sulfadimethoxine gây ra trên ngựa, bò, cừu, dê, lợn, chó, mèo	SVT-43
5	SUN-Multi B	Vitamin B_1, B_2, B_6, PP, Dexpanthenol	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh lý thiếu vitamin nhóm B trên ngựa con, bê, cừu, chó, mèo và gia cầm	SVT-44
6	SUN- Liver ject	Acetyl methionine, L-arginine HCl, Lysine HCl	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị rối loạn chuyển hóa gan, thận trên ngựa, trâu, bò, cừu, dê, gia cầm	SVT-46
7	SVT-Flu ject	Flumequin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp, sinh dục, viêm dạ dày - ruột, *Colibaccilosis*, S*almonelosis* trên gia súc, cừu, lợn, chó	SVT-47
8	SVT- Hemovit	Calcium phosphorylcholine chloride, Casein-peptides, Vitamin B_{12}	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Tăng cường biến dưỡng, hồi phục sau khi bệnh, khi sinh sản	SVT-48
9	SUN-Ketofen	Ketoprofen	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Chống viêm, giảm đau xương khớp, hạ sốt, đặc biệt là trong các bệnh đường hô hấp trên ngựa, trâu, bò, lợn	SVT-49
10	SUN-Tilmi ject	Tilmicosin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn mẫn cảm với Tilmicosin gây ra trên gia súc	SVT-50
11	SUN- Thiophylin	Aminophylline	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị rối loạn hô hấp, bệnh đường hô hấp do phế quản và hội chứng suy tim nhẹ trên gia súc, lợn	SVT-52
12	SUN-Coxi plus	Sufadimethoxine (Na) Trimethoprime	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với trimethoprime và sulfadimethoxine gây ra trên thỏ	SVT-53

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
13	SUN- Monocox	Sulfamonomethoxine Trimethoprim	Túi	10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm gây ra trên gia súc, lợn và chim	SVT-54
14	SUN-Diclacox	Diclazuril	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh cầu trùng gây ra bởi *Eimeria* trên gia cầm, cừu, lợn, thỏ	SVT-55
15	SVT-Toltracox	Toltrazuril	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị các bệnh cầu trùng trên gia cầm	SVT-56
16	SUN-Pigcox	Toltrazuril	Chai	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500 1.000ml	Phòng và trị cầu trùng trên heo	SVT-57
17	SUN-Colicox	Sulfadimethoxine Colistine (sulfate)	Túi	10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên bê, cừu	SVT-59
18	SUN- Paracetamol	Paracetamol	Túi	10; 20; 50; 100g; 1kg	Hạ sốt trên lợn	SVT-60
19	SUN- Kháng sinh tổng hợp	Oxytetracycline, Neomycin	Túi	10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline và neomycin gây ra trên trên bê, cừu, lợn, thỏ và gia cầm	SVT-61
20	SUN-Úm gà vịt	Oxytetracycline, Colistin, Vitamin A, D_3, PP	Túi	10; 20; 50; 100g; 1kg	Phòng và trị bệnh đường hô hấp (CKD), viêm khớp, viêm ruột (Colibacillosis, Salmonella)	SVT-62

3. Công ty Cổ phần thuốc thú y TW5 (FIVEVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Hado-Roxacil Oral	Enrofloxacin	Ống; lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW5-131
2	Hado-Cầu trùng ruột non	Sulfaquinoxalin; Diaveridin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500 g; 1kg	Trị cầu trùng đường ruột: ruột non và manh tràng ở gia cầm	TW5-132

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Five-Enfoclofenac	Enrofloxacin, Diclofenac	Ống; lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW5-133
4	Hado-vitamin K	Vitamin K	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Cầm máu do phẫu thuật, xuất huyết do thương hàn, viêm ruột, cầu trùng, ký sinh và trong phẫu thuật trên bê, nghé, cừu, dê, lợn, gia cầm	TW5-134
5	Five-NP.10	Neomycin sulfat, Nystatin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do nấm Candida, nhiễm trùng huyết, E.Coli, tiêu chảy, kiết lỵ, phân trắng trên gia cầm	TW5-135
6	Hado-sung phù đầu	Sulphadimethoxine, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị cầu trùng, viêm ruột, nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, dê, cừu, lợn, gà, thỏ	TW5-136
7	Hado-Coryza	Sulfamonomethoxin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn Gram (±), cầu trùng mẫn cảm với Sulfamono-methoxin trên lợn, gia cầm	TW5-137
8	Five-Doflo@LA	Florfenicol, Doxycyclin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	TW5-138
9	Hado-hen gia cầm	Ampicillin, Erythromycine	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1 kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin, Erythromycine gây ra trên gia cầm	TW5-139
10	Five-Tilmosin	Tilmicosin (phosphate)	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1 kg	Trị viêm phổi trên lợn	TW5-140
11	Five-Tilmo Super	Tilmicosin (phosphate)	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gà	TW5-141

4. Công ty TNHH thuốc thú y Việt Nam (PHARMAVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Phar-Pulmocin L.A	Tulathromycin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp: phế quản, màng phổi, phổi, BRD, SRD trên bò, lợn	Phar-106
2	Ampi-Coli Pharm	Colistin (sulfate); Ampicilin (trihydrat)	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, lợn, chó, mèo, gia cầm	Phar-107
3	Dogen-pharm	Doxycyclin, Gentamicin	Gói, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin, Gentamicin trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, gia cầm	Phar-108
4	Pharamox G	Colisstin, Amoxycillin	Gói, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn nhạy cảm với Amoxycillin, Colistin trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, gia cầm	Phar-109
5	Enro SPD	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, chó, mèo	Phar-110
6	Enropharm-L.A	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100 ml	Trị nhiễm khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	Phar-111
7	Oracin-pharm	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml; 1; 5l	Trị nhiễm khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	Phar-112

5. Công ty TNHH Năm Thái

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Hepaton	Doxycycline HCl	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm phổi trên heo, gia cầm	NT-109

6. Công ty cổ phần thuốc thú y Đất Việt

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Dogenta-HP	Doxycycline, Gentamycine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, viêm ruột, CRD, E.coli, Salmonellosis, viêm da trên bê, nghé, lợn, gia cầm	Vietvet-25
2	Doxytyl-HP	Doxycycline, Tylosine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột và đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	Vietvet-26
3	Coli 24H	Ampicillin, Colistin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm	Vietvet-27

7. Công ty Cổ phần đầu tư liên doanh Việt Anh

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	AZ.Dimethon	Sulfadimethoxine sodium	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, cầu trùng trên bê, cừu, dê, lợn, thỏ, gia cầm	VA-102
2	AZ.Trithoxin	Sulfadimethoxine sodium, Trimethoprim	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxine và Trimethoprim gây ra trên gia cầm, thỏ	VA-103
3	AZ.Monothoxin	Sulfadimethoxine sodium	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị ký sinh trùng đường máu, cầu trùng trên gia cầm, thỏ	VA-104

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

8. Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y TW (NAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Navet-Butavit	Butaphosphane (Butafosfan), Vitamin B_{12}	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị rối loạn sinh trưởng, rối loạn chuyển hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	TWII-134

9. Công ty liên doanh Bio-Pharmachemie

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Biotin Plus	Vitamin A; Biotin; Zn	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100g; 1; 10kg	Cung cấp vitamin, khoáng chất, trị bệnh về lông, da	LD-BP-12
2	Bio-Vitamin C10%	Vitamin C	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100g; 1; 10kg	Bổ sung Vitamin C, tăng cường sức đề kháng cho gia súc	LD-BP-73
3	Bio-Electrolytes	$NaHCO_3$; KCl; NaCl	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100g; 1; 10kg	Trị mất nước do tiêu chảy sốt cao, stress hoặc di chuyển	LD-BP-79
4	Bio Vita-Electrolytes	Vitamin A; D_3; E; K_3; B_1; B_2; B_6; B_{12}; folic acid; Biotin; Niacinamide; $NaHCO_3$; KCl; NaCl; Mn	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100g; 1; 10kg	Cung cấp vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm	LD-BP-89
5	Bio Selevet-E	Vitamin E; selenite	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100g; 1; 10kg	Bổ sung Vitamine E và Selenium	LD-BP-95
6	Bio-Vitasol	Vitamin A; D_3; E; K_3; B_1; B_2; B_3; B_6; B_{12}; C; folic acid; Biotin; Ca	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100g; 1; 10kg	Bổ sung, phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin và khoáng chất	LD-BP-217
7	Bio-Calcivit	Ca; Zn; Vitamin A; D_3; E	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100g; 1; 10kg	Cung cấp vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm	LD-BP-257
8	Bio-Sorbitol B_{12}	Sorbitol; DL-Methionine; L-Lysine HCl; Vitamin B_{12}	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100g; 1; 10kg	Tăng cường chức năng gan và loại trừ các độc tố. Hỗ trợ quá trình hoặc sau khi điều trị kháng sinh hoặc ký sinh trùng	LD-BP-402
9	Bio-Bromhexine W.S.P	Bromhexine	Gói, hộp, bao, xô	30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10kg	Giảm ho, long đờm, chống co thắt phế quản khi viêm phế quản, viêm phổi ở gia súc	LD-BP-411

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
10	Bio-Difloxacin 5% Inj	Difloxacin	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp, tiết niệu, viêm âm đạo, viêm bàng quang, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, viêm da trên trâu bò, dê, cừu, lợn, gia cầm, chó, mèo	LD-BP-475
11	Bio-Difloxacin 10% Inj	Difloxacin	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp, tiết niệu, viêm âm đạo, viêm bàng quang, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, viêm da trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	LD-BP-476
12	Bio-Difloxacin 5% Oral	Difloxacin	Chai	60; 150; 250; 500ml 1; 5 lít	Trị nhiễm trùng viêm ruột ỉa chảy, thương hàn, phù đầu, tụ huyết trùng, viêm phổi, bạch lỵ, CRD, sổ mũi, viêm túi khí, viêm màng hoạt dịch trên bê nghé, lợn, gia cầm, chó, mèo	LD-BP-477
13	Bio-Difloxacin 10% Oral	Difloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng viêm ruột ỉa chảy, thương hàn, phù đầu, tụ huyết trùng, viêm phổi, bạch lỵ, CRD, sổ mũi, viêm túi khí, viêm màng hoạt dịch trên bê nghé, lợn, gia cầm, chó, mèo	LD-BP-478

10. Công ty Cổ phần Saigonvet

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	SG. Vetemuc-Inj	Acetylcystein	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Làm loãng đàm, dùng kết hợp kháng sinh trong bệnh suyễn heo do Mycoplasma, hen gà, khẹc vịt	HCM-X2-256

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	SG. Vetemuc-Oral	Acetylcystein, Vitamin B_1, B_2, B_6, PP	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Làm loãng đàm, dùng kết hợp kháng sinh trong bệnh suyễn heo do Mycoplasma, hen gà, khẹc vịt, bệnh ghép giữa CRD với E.Coli. Tăng sức đề kháng, kích thích gia cầm ăn nhiều	HCM-X2-257
3	SG.Anazine-C	Analgin, Vitamin C, Potassium chloride, Sodium chloride	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Giảm đau, hạ sốt, chống mất nước và chất điện giải trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X2-259
4	Ery Ampicil	Ampicilline, Erythromycin	Gói, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm phổi, viêm phế quản, viêm khí quản, THT, PTH trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X2-260
5	Enrotryl	Enrofloxacin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X2-261
6	Tosal	Butafosfan, Vitamin B_{12}	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị rối loạn sinh trưởng, rối loạn chuyển hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	HCM-X2-262
7	Florxy Ject	Florfenicol, Doxycyclin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	HCM-X2-263
8	SG.Dano 166	Danofloxacin	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp trên gia cầm	HCM-X2-264

11. Công ty TNHH Thuốc thú y - Thủy sản Hương Hoàng Nam

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	HCV-Amstrong-S	Ampicilline, Colistin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị thương hàn do Salmonella, tiêu chảy, viêm ruột do E.coli, viêm phổi do Pasteurella,... trên trâu, bò, heo; Trị bệnh hô hấp do Mycoplasma, Heamophilus, tiêu chảy do E.coli, Salmonella trên gia cầm	HHN-71

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	HCV-Octamic-A.C	Amoxycilline, Colistin sulfate	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường tiêu hóa do Salmonella và E.coli, niệu sinh dục trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	HHN-72
3	HCV-Tylandox	Doxycycline, Tylosine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp gây ra do các vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Doxycycline trên bê, nghé, lợn, gia cầm	HHN-73
4	HCV-Trym-S	Sulfadiazine, Trimethoprim	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn E.coli, Coryza, hô hấp mãn tính (CRD), Tụ huyết trùng, thương hàn trên gia cầm	HHN-74
5	HCV-Doxycol	Doxycyline, Colistin sufate	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị hô hấp mãn tính (CRD), tiêu chảy (Colibacillosis) trên gia cầm	HHN-75
6	HCV-Ampicoli	Ampicilline, Colistin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gà	HHN-76
7	HCV-Coliflum	Trimethoprime, Colistin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột trên bê, nghé, dê non, cừu con, lợn, gia cầm	HHN-77
8	HCV-Amox 20	Amoxycilline	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày ruột, hô hấp, nhiễm trùng tiết niệu trên bê, nghé, dê non, cừu non, heo, gia cầm	HHN-78
9	HCV- Gentadox	Doxycycline, Gentamycine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, viêm ruột, CRD, E.coli, Salmo-nellosis, viêm da trên bê, nghé, lợn, gia cầm	HHN-79
10	HCV-Oxibendazol-HHN	Oxibendazol	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị giun dạ dày, giun đũa, giun kim, giun kết hạt, giun tóc trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, gia cầm	HHN-80
11	HCV-Anticoci	Sulfachlozine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh cầu trùng, thương hàn, tụ huyết trùng trên gà	HHN-81
12	HCV-Nấm phổi-HHN	Nystatin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị tưa lưỡi, viêm họng, bệnh nấm Canida ở ruột, nhiễm nấm ở đường âm đạo trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	HHN-82

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
13	HCV- Anticoc	Sulphaquinoxalin, Diaveridin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị cầu trùng trên gia cầm	HHN-83
14	HCV-Doxy 300	Doxycyclin hyclate, Bromhexine HCl	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, đường hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	HHN-84
15	HCV-Albendazol-HHN	Albendazol	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị giun tròn, sán dây, sán lá trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, chó, gà	HHN-85
16	HCV-Doxytilo	Doxycycline, Tylosine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	HHN-86
17	HCV-Doxyneo	Doxycycline, Neomycin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	HHN-87
18	HCV-Doxycol WS	Doxycyline, Colistin sufate	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	HHN-88

12. Công ty TNHH Sản xuất thương mại TOBA

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	ST - colis	Colistin sulfate	Bao; gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin gây ra trên trâu bò, dê, cừu, lợn, thỏ và gia cầm	HCM-X31-1
2	ST-Nor	Norfloxacin	Bao; gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 2; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do Mycoplasma, E.coli, Pasteurella gây ra trên bê và gia cầm	HCM-X31-3
3	ST-Anagi	Dipyrone; vitamin C	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Hạ sốt, giảm đau nhanh chóng trong các bệnh nhiễm trùng cấp, chống mất nước, điện giải ở gia súc, gia cầm	HCM-X31-4

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
4	ST-Flomen	Florphenicol	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hóa trên heo, gà	HCM-X31-5
5	ST-Fluta	Flumequine	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g;1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột và hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với Flumequine gây ra trên trâu, bò, bê, nghé, dê, cừu, lợn và gia cầm	HCM-X31-6
6	ST- Linco	Lincomycin HCl	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng đường sinh dục, viêm vú, viêm phổi, bệnh dấu son, bệnh lỵ viêm khớp, viêm da có mủ, tiêu chảy	HCM-X31-7
7	ST-Amcovi	Ampicillin; Colistin, Vitamin A, B_1, B_6, C	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 2; 5kg	Trị viêm ruột tiêu chảy, viêm xoang mũi, viêm móng, viêm khớp, viêm rốn và nhiễm trùng máu ở gia súc, gia cầm	HCM-X31-9
8	ST-Ivere	Ivermectin	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 2; 5kg	Phòng ngừa và điều trị các bệnh nội - ngoại ký sinh trùng trên heo	HCM-X31-10
9	ST-Tylo	Tylosin tartrate	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh CRD ở gia cầm và trị bệnh viêm phổi, bệnh lỵ trên bê và lợn	HCM-X31-11
10	ST-Genta	Gentamycin sulfate	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycin gây ra ở gia súc, gia cầm	HCM-X31-12
11	ST-ATylo	Amoxycilline, Tylosin	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500 g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp, nhiễm trùng tiêu hóa, nhiễm trùng tiết niệu, sinh dục trên heo, gia cầm	HCM-X31-13
12	ST-Lorop	Sulfachloropyrazine, Diaveridine, Vitamin A	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị cầu trùng, thương hàn, bạch lỵ, nhiễm trùng đường ruột trên bê, nghé, heo, gia cầm	HCM-X31-14
13	ST-Aspirin	Acetyl salicilic	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Hạ sốt, giảm đau, chống mất nước và mất chất điện giải	HCM-X31-15

TỈNH ĐỒNG NAI

13. Công ty TNHH Y.S.P Việt Nam

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Fluro Oral solution	Norfloxacin	Chai, can	100; 200; 500ml; 1; 25l	Trị Colibacillosis, CRD, Salmonellosis, Staphylococcus trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	YSPV-22
2	Trixine Powder	Sulfadimethoxine Trimethoprim	Gói, bao	10; 50; 100; 500g; 1; 20kg	Trị bệnh Coryza, viêm phế quản, tiêu chảy	YSPV-23
3	Sultrim powder	Sulfadiazine, Trimethoprim	Túi, bao	100g; 1; 20kg	Trị viêm phế quản, viêm phổi, tiêu chảy trên heo, gà, vịt	YSPV-24
4	Doxy 10% Powder	Doxycycline	Gói, bao	20; 50; 100; 150; 500g; 1; 20kg	Kiểm soát biến chứng của viêm phế quản mãn tính	YSPV-25
5	Conquer Premix Powder	Mebendazole	Gói, bao	12; 50; 60; 100; 120; 600g; 1; 20kg	Tẩy giun sán trên heo, gia cầm	YSPV-26
6	Licofat-220 Premix Powder	Lincomycin, Spectinomycin	Gói, bao	100g; 1; 20kg	Trị lỵ, viêm ruột do vi khuẩn, tiêu chảy và viêm phổi do Mycoplasma trên heo. Trị CRD, CCRD, viêm khớp, viêm xoang mũi trên gà, vịt	YSPV-27
7	Maxilyte Soluble Powder	Sodium Chloride, Potassium Chloride, Magnesium Sulfate, Manganese Sulfate, Sodium Citrate, Glucose Anhydrous, Sodium Bicarbonate	Gói, bao	100g; 1; 20kg	Cung cấp chất điện giải, khoáng chất; giảm stress; ngừa mất nước do tiêu chảy; giảm nguy cơ giảm trọng lượng; dùng sau đợt điều trị kháng sinh	YSPV-29
8	Doxy 50% Soluble Powder	Doxycycline Hydrochloride	Gói, bao	20; 100; 500g; 1; 20kg	Trị CRD, CCRD, nhiễm khuẩn E. Coli trên gà.	YSPV-30
9	Neosun Powder	Neomycin	Gói, bao	20; 100; 500g; 1; 20kg	Trị nhiễm trùng ruột, tiêu chảy do nhiễm khuẩn trên gia súc, gia cầm	YSPV-31

14. Công ty TNHH TM&SX Việt Thọ

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Dona-Bromhexine	Bromhexine HCl	Gói, hộp	5;10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Long đờm, giảm ho, giãn phế quản trong trường hợp viêm đường hô hấp	VVT-1
2	Doxy-Gen	Gentamycin sulfate Doxycycline hyclate	Gói, hộp	5;10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp trên trâu bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	VVT-3
3	Tiadoxy	Doxycycline HCl Tiamuline fumarate	Gói, hộp	5;10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị viêm phế quản - phổi, viêm khớp, hô hấp mãn tính, các bệnh ghép trong hội chứng hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gà	VVT-4
4	Tylodox	Tylosin tartrate Doxycycline hyclate	Gói, hộp	5;10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	VVT-5
5	Dona-Viacoc	Sulphadimidine, Diaveridine HCl	Gói, hộp	5;10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị cầu trùng, ỉa chảy và thương hàn	VVT-6
6	Colistin 1200	Colistin sulfate	Gói, hộp	5;10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	VVT-7
7	Dona-Ery 20%	Erythromycine thiocyanate	Gói, hộp	5;10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị CRD, viêm phế quản, coryza sưng mắt phù đầu, viêm phổi, thương hàn, tụ huyết trùng, tiêu chảy, viêm phế quản,viêm niệu đạo, viêm tử cung trên gia súc, gia cầm	VVT-8
8	Dona-Florfenicol	Florfenicol	Gói, lon nhựa, xô	5;10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị viêm phổi, viêm phế quản, viêm phổi dính sườn, *Mycoplasma*, thương hàn, tụ huyết trùng, suyễn heo, viêm teo xoang mũi truyền nhiễm, khẹc vịt	VVT-9
9	Dona-Flumesol	Flumequin	Gói, hộp	5;10; 20; 50; 100; 250; 500g;	Trị viêm phế quản, viêm phổi, *E.coli*, thương hàn, tụ huyết trùng,	VVT-10

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
				1; 2; 5; 10; 20; 25kg	viêm đường tiết niệu, viêm tử cung, tiêu chảy trên gia súc, gia cầm	
10	Dona Ampi-Coli	Ampicillin trihydrate Colistin sulfate	Gói, hộp	5;10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu	VVT-11
11	Neo-Colistin	Neomycin sulfate Colistin sulfate	Gói, hộp	5;10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày, ruột	VVT-12

TỈNH BÌNH DƯƠNG

15. Công ty Liên doanh TNHH ANOVA

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Nova-Doxine 500	Doxycycline HCl	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25 kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm phổi trên heo, gia cầm	LD-AB-174
2	Nova-Tulacin	Tulathromycin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn.	LD-AB-175
3	Nova-Apracin	Apramycin	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 5; 10; 25 kg	Trị viêm ruột ỉa chảy do vi khuẩn E.coli, Salmonella gây ra trên lợn, gia cầm	LD-AB-176
4	Nova-Tilmicosin 250	Tilmicosin phosphate	Ống, chai, can	10; 20; 50; 100; 300; 500ml 1; 5; 10 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	LD-AB-177
5	Novasal Complex	1-(n-Butylamino)-1 methylethyl phosphorus acid (Butaphosphan), Adenosin triphosphate, Cyanocobalamin, Vitamin B_6	Ống, chai	10; 20; 50; 100; 300; 500ml; 1 lít	Tăng cường biến dưỡng trên gia súc, gia cầm trong trường hợp kiệt sức, mệt mỏi, suy nhược, chậm lớn	LD-AB-178

TỈNH LONG AN

16. Công ty Cổ phần Interpharma

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Inter Ampicoli WS	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị CRD, sổ mũi truyền nhiễm, bệnh tụ cầu khuẩn trên gia cầm. Trị tiêu chảy, viêm phế quản, Salmonellosis trên gia súc	ITP-1
2	Inter Domalin WS	Doxycycline HCl Trimethoprim	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	ITP-2
3	Inter Doxin WS	Doxycycline HCl Tylosin tartrate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	ITP-3
4	Inter Doxy WS	Doxycycline HCl	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng gây ra bởi các vi khuẩn Gram (-) và Gram (+) do Anaplasma, Theileria spp., Rickettsiae và một vài Mycoplasma, Ureaplasmata	ITP-4
5	Inter Flumesol WS	Flumequine	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine như colibacillosis, pasteurellosis, Salomonellosis trên bê, heo, gia cầm	ITP-5
6	Inter Macrolan WS	Tylosin tartrate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị CRD, cầu trùng, viêm xoang mũi trên gia cầm. Trị lỵ, tiêu chảy trên heo	ITP-6
7	Inter Tiamulin WS	Tiamulin hydrogen furmarate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị xoắn khuẩn Treponema hyodysenteriae nhiễm trùng do Clostridia, xoắn khuẩn Leptospira (pyrogens, canida), nhiễm trùng do Streptococcal, Acti.pleuropneumoniae trên heo. Nhiễm trùng do Mycoplasma spp., Staphylococcus aureus, Treponema spp trên gia cầm	ITP-7

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
8	Inter Colexin	Colistin sulfate Trimethoprim	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột gây ỉa chảy, bạch lỵ, hồng lỵ, tụ huyết trùng, thương hàn, phó thương hàn, CRD... trên bê, dê non, cừu non, heo, gia cầm, thỏ	ITP-8
9	Inter Dexason	Colistin sulfate	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường tiêu hóa, các hội chứng tiêu chảy ở bê, nghé, heo con, bệnh cầu trùng trên gà	ITP-9
10	Inter Coli 2400	Dexamethasone	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn, dị ứng, chấn thương và các tác nhân khác trên bê, cừu, heo, dê, ngựa, chó, mèo	ITP-10
11	Inter Enroflox	Enrofloxacin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, tiêu chảy trên bê, nghé. Trị tiêu chảy, tiêu chảy, viêm ruột, hội chứng MMA trên heo. Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, da trên chó	ITP-11
12	Inter Fer-B12	Iron Vitamin B_{12}	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Phòng, trị thiếu sắt, thiếu máu, bệnh tiêu chảy do thiếu sắt, trị bệnh còi cọc trên heo con, bê, nghé	ITP-12
13	Inter Florfenicol	Florfenicol	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp trên ngựa, trâu, bò, cừu, dê, heo, chó, mèo, thỏ và gia cầm	ITP-13
14	Inter Flumesol-200	Flumequine	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột, đường hô hấp và đường tiết niệu trên heo, gia cầm	ITP-14
15	Inter Gentamox	Gentamycin, Amoxycillin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh tụ huyết trùng, tiêu chảy, viêm phổi, viêm tử cung, viêm khớp trên trâu, bò, cừu, ngựa, heo, gà, vịt	ITP-15

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
16	Interflox	Enrofloxacin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, nhiễm trùng máu, bệnh đường tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục, viêm vú trên bê, nghé, cừu	ITP-16
17	Interspectin	Spectinomycin Lincomycin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm, gà tây, chó, mèo	ITP-17
18	Inter Ivermectin	Ivermectine	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị giun dạ dày ruột, giun phổi, rận, ghẻ,... trên gia bê, nghé, dê, cừu, heo	ITP-18
19	Inter Kanamycin	Kanamycin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị các bệnh do E.coli, Salmonella, nhiễm trùng máu, bệnh đường hô hấp, tiết niệu - sinh dục, viêm khớp, viêm cơ trên trâu, bò, ngựa, heo, chó, mèo	ITP-19
20	Inter Levamisol	Levamisol HCl	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Tẩy các loại giun sán đường phổi và đường ruột trên heo, bò, gia cầm	ITP-20
21	Inter Limoxin	Oxytetracyclin	Ống, chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 500ml, 1 lít	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột, đường hô hấp và bệnh viêm khớp trên bê, nghé, gia súc, dê, cừu, heo	ITP-21
22	Inter Neopennicillin	Procaine penicilline G, Neomycin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với penicillin, Neomycin, gây ra	ITP-22
23	Inter Norflox	Norfloxacin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục ở gia súc, gia cầm	ITP-23
24	Inter Norfloxcoli	Norfloxacin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục trên gia súc, gia cầm	ITP-24
25	Inter O.T.C 20% LA	Oxytetracyclin HCl	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng hô hấp, viêm cuống phổi, viêm ruột, nhiễm trùng đường tiểu, mật, viêm tử cung, viêm vú, viêm tuyến tiền liệt, viêm mủ da trên trâu, bò, heo	ITP-25

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
26	Inter Penstrep-400	Procain penicillin G Dihydrostreptomycin sulfate	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị viêm khớp, viêm vú, nhiễm trùng đường dạ dày - ruột, đường hô hấp, đường sinh dục trên trâu, bò dê, cừu, heo.	ITP-26
27	Inter Spectylo	Spectinomycin Tylosin tartrate	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị viêm tử cung, viêm phổi, viêm cuống phổi, nhiễm trùng sau phẫu thuật, tiêu chảy trên trâu, bò, heo, gà, chó, mèo.	ITP-27
28	Inter Stress Vitamin	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_6, PP, B_5, Cholin chloride, Lysin HCl, Glycin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị rối loạn tăng trưởng, tăng trưởng kém, năng suất sinh sản kém, giai đoạn phục hồi	ITP-28
29	Inter Sulfadine 333	Sulfadimidin sodium	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bị, heo, cừu, dê, gia cầm	ITP-29
30	Inter Tiamulin	Tiamulin	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh về đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	ITP-30
31	Inter Tylan	Tylosin tartrate	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin trên gia súc, gia cầm	ITP-31
32	Inter Vitamin E-Selen	Vitamin E Sodium selenite	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Phòng trị bệnh thiếu vitamin E trên gia súc, gia cầm; chống khô thai, đẻ non và ngăn ngừa sự ngộ độc sắt trên heo con.	ITP-32
33	Inter Amoxcoli WS	Colistin sulfate Amoxycillin trihydrate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị tụ huyết trùng, tiêu chảy, hồng ly, thương hàn, phó thương hàn, viêm phổi, viêm dạ dày - ruột, ỉa chảy do E.coli và Salmonella, CRD...	ITP-33
34	Inter Colixin WS	Colistin sulfate Trimethprim	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị viêm, nhiễm trùng dạ dày ruột gây ỉa chảy, bạch ly, hồng ly, tụ huyết trùng,	ITP-34

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
					thương hàn, phó thương hàn, CRD... trên bê, dê non, cừu non, heo, gia cầm	
35	Inter Enroflox WS	Enrofloxacin	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp và đường sinh dục trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	ITP-35
36	Inter Levasol WS	Levamisol	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Tẩy giun sán trên heo, bò, gà, vịt, ngan, ngỗng, chó, mèo, chim	ITP-36
37	Inter Spirasultrim	Spiramycin adipat Trimethoprim	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh CRD cho gia cầm, thỏ, heo con, bê, cừu non, dê con	ITP-37
38	Inter Analgin C	Analgin Vitamin C	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Hạ nhiệt, giảm đau. Phối hợp với kháng sinh để điều trị các bệnh nhiễm trùng ở gia súc, gia cầm	ITP-38
39	Inter Amox C.D	Colistin sulfate, Amoxycillin trihydrate	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị tụ huyết trùng, tiêu chảy, hồng lỵ, thương hàn, phó thương hàn, viêm phổi, viêm dạ dày - ruột, ỉa chảy do E.Coli, Salmonella, CRD trên gai súc, gia cầm	ITP-39
40	Inter Amoxin	Amoxycillin, Bromhexin HCl	Gói, lon, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường tiết niệu - sinh dục, đường tiêu	ITP-40
41	Inter Coli WS	Colistin sulfate	Gói, lon, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	ITP-41
42	Intercox WS	Sulfaquinoxaline sodium	Gói, lon, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị cầu trùng trên gia cầm, thỏ	ITP-42
43	Inter Norflox WS	Norfloxacine	Gói, lon, hộp	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, dê, cừu, heo, gia cầm	ITP-43
44	Inter Biomycin	Amoxycillin trihydrate Neomycin sulfate	Ống, chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 500ml, 1 lít	Trị viêm vú gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với amoxycilline và neomycin như:	ITP-44

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
					Corynebacterium, E.Coli, Staphylococcus và Streptococcus	
45	Inter Celexin 18%	Cephalexin	Ống, chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 500ml, 1 lít	Trị nhiễm trùng gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với cephalexin như: Staphylococcus, Streptococcus, Corynebacterium, Pasteurella, Escherichia, Proteus, Micrococcus, Actinobacillus, Lignierese, Actinomyces bovis, Haemophilus, Erisipelothrix rhusiopathiae, Clostridium, Salmonella, Fusobacterium, Peptostreptococcus, Peptococcus… ở bò, chó, mèo	ITP-45
46	Inter Cepha kana	Cephalexin Kanamycin sulfate	Ống, chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 500ml, 1 lít	Trị bệnh viêm vú ở bò cho sữa	ITP-46
47	Inter Erycotrim	Trimethoprim Erythromycin	Ống, chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 500ml, 1 lít	Trị viêm vú gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với trimethoprim và erythromycin như: E.Coli, Mycoplasma, Staphylococcus và Streptococcus spp	ITP-47
48	Intercox	Toltrazuril	Ống, chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 500ml, 1 lít	Phòng và trị cầu trùng trên gia cầm	ITP-48
49	Inter Norflox-150	Norfloxacine	Ống, chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 500ml, 1 lít	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột, đường hô hấp, đường tiết niệu trên bê, gia súc, dê, cừu, heo	ITP-49
50	Inter Sulfacyline	Sulfamethoxypyridazin; Trimethoprim	Ống, chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 500ml, 1 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, heo, cừu, dê	ITP-50
51	Inter Tilmicosin	Tilmicosin	Ống, chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 500ml, 1 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên gia súc, cừu	ITP-51

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
52	Inter Bactrim	Sulfamethoxazole Trimethoprim	Viên, lọ	700mg	Trị rối loạn sinh dục - tiết niệu, bệnh đường hô hấp, rối loạn da, bệnh màng não trên chó	ITP-52
53	Inter Sulfa-Coli	Colistin sulfate Sulfaguanidin	Viên, lọ	2g, 5g	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên bê, cừu	ITP-53
54	Inter Spira.Fe	Iron dextran Spiramycin	Ống, chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 500ml, 1 lít	Trị ỉa chảy, viêm phổi, thiếu máu gây ra bởi thiếu sắt trên heo	ITP-55
55	Inter Lincocoli	Lincomycin HCl Colistin sulfate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, bệnh lỵ, viêm phổi địa phương, viêm khớp, bệnh nhiễm trùng do Mycoplasma... trên heo, gia cầm	ITP-56
56	Inter Neocoli	Neomycin sulfate Colistin sulfate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm nhiễm trùng dạ dày - ruột trên bê, cừu non, dê non, heo con, thỏ, gia cầm	ITP-57
57	Inter Tetramycin WS	Oxytetracycline HCl	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng gây ra do các vi khuẩn nhạy cảm với oxytetracycline trên bê, cừu, dê, heo, gia cầm	ITP-58
58	Inter Aminovital	Vitamin A, Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, D_3, E, Calcium pantothenate Nicotinic acid, Folic acid, D-L-Methionone, L-Lysin HCl, L-aspartic acid, L-alanine, L-arginine, L-phenylalanine, Glycin, L-glutamic acid, L-isoleucine,	Ống, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh do thiếu vitamin nhóm B và Axít amin. Tăng cường sức đề kháng do stress ở thú trong trường hợp vận chuyển, tiêm ngừa, tách đàn	ITP-59

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
		L-hystidine, L-leucine, L-proline, L-serine, L-tyrosine, L-threonine, L-valine				
59	Inter Amox 15% LA	Amoxycillin trihydrate	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường tiết niệu - sinh dục, đường tiêu hóa, viêm vú, nhiễm trùng da, mô	ITP-60
60	Inter Ampicoli inj	Colistin sulfate Ampicillin trihydrat	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường dạ dày - ruột, đường hô hấp và đường sinh dục trên trâu, bò, dê, cừu, gia cầm	ITP-61
61	Inter B.Multi	Thiamin hydrochloride Riboflavin phosphate sodium Pyridoxine hydrochloride Nicotinamid	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Giúp hồi phục mệt mỏi, trung hòa chất độc Phòng ngừa và điều trị các rối loạn dinh dưỡng, nhiều neutrisis và thiếu hụt các vitamin B	ITP-62
62	Inter Doxy A.B	Doxycyclin HCl Acetylsalicylic acid Bromhexine HCl	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị bệnh gây ra do các vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin như: E.Coli, CRD. Mycoplasma ở gia cầm, gà tây	ITP-63
63	Interflordox	Florfenicol Doxycycline	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp tiêu hóa, viêm tử cung, viêm âm đạo, viêm màng não trên trâu, bò, heo	ITP-64
64	Inter Spiramycin	Spiramycin adipat	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị viêm ruột, viêm tử cung, viêm phổi, viêm khớp, CRD trên trâu, bò, heo, gia cầm	ITP-65
65	Inter Chlortetra-cycline WS	Chlotetracyclin HCl	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	ITP-66

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
66	Inter Doxy 20% WS	Doxycycline HCl	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	ITP-67
67	Inter Doxycoli WS	Doxycycline HCl Colistin sulfate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	ITP-68
68	Inter Doxy Neo WS	Doxycycline HCl Neomycin sulfate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, nhiễm trùng đường hô trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	ITP-69
69	Inter Genta Doxy WS	Doxycycline HCl Gentamycin sulfate	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, heo, dê, cừu, gia cầm	ITP-70
70	Inter Lincomycin 10% WS	Lincomycin HCl	Gói, lon, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin trên heo, gia cầm	ITP-71
71	Inter Florfenicol WS	Florfenicol	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên heo	ITP-72
72	Inter Neomycin WS	Neomycin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, viêm ruột trên bê, lợn, gia cầm	ITP-73
73	Inter Vermisole	Niclosamide, Levamisole	Viên	3.2g; 8g	Trị giun, sán trên chó, mèo	ITP-74

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

17. Công ty Cổ phần SXKD vật tư và thuốc thú y Cần Thơ (VEMEDIM)

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vime-Florcol 400	Florphenicol	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5 kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên heo	CT-364
2	Preso	Prednisolone acetate I.P	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Kháng viêm	CT-365

18. Công ty TNHH thuốc thú y Á Châu

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Gentadoxin	Gentamycin, Doxycycline	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10 kg	Trị viêm dạ dày - ruột, nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	APC-181
2	Cytasal	Butaphosphan; Vitamin B_{12}	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị rối loạn phát triển và chuyển hóa trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo	APC-182
3	Tulavet	Tulathromycin	Chai; ống	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	APC-185
4	Amox-clav	Amoxycillin trihydrate, Clavulanate postasium,	Chai; ống	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu chảy, viêm khớp, viêm tử cung ở heo, bò, trâu, chó, mèo	APC-186
5	Cefti 1000	Cetiofur	Chai; ống	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp trên heo	APC-187
6	Toltra - Cox 500	Toltrazuril	Chai; ống	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Phòng và trị cầu trùng trên heo, bê, nghé	APC-188
7	Flotylan	Florfenicol, Tylosin tartrate	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gà, vịt	APC-189
8	Danoflox	Danofloxacin	Chai; ống	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Phòng và trị bệnh trên heo, trâu, bò	APC-190
9	Flodosone L.A	Florfenicol, Doxycycline	Chai; ống	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	APC-191
10	Tilco 300	Tilmicosin	Chai; ống	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp do các vi sinh vật mẫn cảm với Tilmicosin	APC-192
11	Tilco 250	Tilmicosin	Chai; ống	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp do Myco-plasma gây ra	APC-193

B. DANH MỤC BỔ SUNG THUỐC ĐƯỢC PHÉP ĐÓNG GÓI LẠI

1. Công ty TNHH ASIALAND Việt Nam

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Suanovil 50	Spiramycine	Hộp	100; 250; 500g; 1; 2,5; 5; 25 kg	Trị bệnh do vi khuẩn gr(+), Mycoplasma, Pasteurella trên bê, heo, gà	COO-5

C. DANH MỤC BỔ SUNG THUỐC THÚ Y NHẬP KHẨU

FRANCE

1. Công ty Coophavet

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Cofalysor	Fish hydrolysate, Benzyl alcohol	Chai	50; 100; 250ml	Giúp tăng cường trao đổi chất	COO-3
2	Cofamox 50	Amoxicillin	Hộp, gói	100g, 250; 500g; 1 kg	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp trên gia cầm	COO-4
3	Suanovil 50	Spiramycine	Hộp	100; 250; 500g; 1; 2,5; 5; 25 kg	Trị bệnh do vi khuẩn Gr(+), Mycoplasma, Pasteurella trên bê, heo, gà	COO-5
4	Ferro 2000	Fe dextran	Chai	50; 100 ml	Phòng chứng thiếu máu trên heo con	COO-6
5	Cofavit 500	Vitamin A, D_3, E	Lọ	20; 50; 100; 250 ml	Phòng và trị chứng thiếu Vitamin A, D_3, E ở trâu, bò, dê, cừu, heo, thỏ.	COO-7
6	Cofacalcium	Calcium gluconate, magnesium hypophosphite	Bình	250; 500 ml	Phòng, trị thiếu can-xi và magnê trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, chó, mèo	COO-8
7	Cloxamam	Cloxacilline	Ống	9,1 g	Phòng trị bệnh viêm vú bò trong giai đoạn khô	COO-9
8	Cofamox 20	Amoxicillin	Hộp, gói	100g;1; 2,5; 25kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với amoxilin	COO-10

ENGLAND

1. Công ty Anglian Nutrition Products (Anupco)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Ancospectin	Lincomycine hydrochloride; Spectinomycin sulfate	Chai	100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gram(-), Gram (+) nhạy cảm với Lincomycine và Spectinomycin gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, gia cầm	AP-41

IRELAND

1. Công ty Ballinskelligs Veterinary Products (BVP Ltd)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Entril 10 Injection	Enrofloxacine	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gram(-), Gram (+) nhạy cảm với Enrofloxacine gây ra trên trâu, bò, lợn	BVP-1
2	Entril 20 Oral	Enrofloxacine	Chai	100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gram (-), Gram (+) nhạy cảm với Enrofloxacine gây ra trên gia cầm	BVP-2
3	BVP Calcium 40 Plus Injection	Calcium, Magnesium, Phosphorous	Chai	400ml	Trị bệnh giảm can xi huyết, thiếu magie, phốt pho trên trâu, bò	BVP-3

SPAIN

1. Công ty Industrial Veterinaria (Invesa)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Espacox 5%	Toltrazuril	Chai	100ml; 500ml; 1 lít; 5 lít	Phòng và trị cầu trùng trên heo, bê, nghé	IIS-28
2	Cadorex	Florfenicol	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp trâu, bò, lợn	IIS-29

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Rhemox Premix	Amoxicillin	Bao	3; 24 kg	Trị bệnh do vi khuẩn Streptococcus suis trên heo con sau cai sữa	IIS-30
4	Tiercal	Ceftiofur	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp trên heo; bệnh đường hô hấp, viên kẽ móng hoại tử, viêm tử cung cấp tính trên trâu, bò	IIS-31
5	Doxyprex	Doxycycline hyclate	Túi, bao	1; 5; 20; 25 kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên heo	IIS-32

BULGARIA

1. Công ty BIOVET

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Tylovet 25% Granular	Tylosin	Gói, bao	1kg, 5kg, 20kg	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp mãn tính, viêm màng hoạt dịch, viêm xoang truyền nhiễm, xoắn khuẩn vàng da xuất huyết trên gà; kiết lỵ trên heo	BB-6
2	Tilmovet 20% Granular Premix	Tilmicosin	Gói, bao	1kg, 5kg, 20kg	Trị viêm phổi trên heo	BB-7
3	Pharmasin WSG	Tylosin tartrate	Lọ, gói	110gr; 1,1kg	Trị bệnh đường hô hấp, đường tiêu hóa, viêm hồi tràng, viêm ruột hoại tử, viêm xoang truyền nhiễm trên heo, bê, gà	BB-8

ARGENTINA

1. Công ty Cevasa S.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Linspec	Lincomycin, Spectinomycine	Gói, bao	100; 250; 500g; 1; 5; 25kg	Trị hồng lỵ, tiêu chảy, bệnh đường hô hấp trên lợn, gia cầm	CEVA-33

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Mycoticev solution	Tilmicosin phosphate	Chai	100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	CEVA-34

SINGAPORE

1. Công ty Diashiam Resources

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Diacoxin 2.5%	Toltrazuril	Chai	250ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	DSRS-4
2	Trimixin 480 Feed Grade	Trimethoprim, Sulfamethoxazole	Gói, thùng	1; 10kg	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp trên heo, gà, vịt	DSRS-5
3	Trimoxal Suspension	Trimethoprim, Sulfamethoxazole	Chai	100ml; 250ml	Trị viêm ruột do vi khuẩn hay nhiễm trùng hô hấp trên heo con	DSRS-6

NEWZEALAND

1. Công ty Bomac Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Tilmax 200 premix	Tilmicosin phosphate	Bao	10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn	BLL-14

2. Công ty Merial Newzealand

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Cefanil	Ceftiofur HCL	Chai	60; 100; 120ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, heo. Viêm thối móng trên bê. Viêm tử cung cấp tính trên trâu, bò	MRA-211

THAILAND

1. Công ty Vesco Pharmaceutical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Pactacin	Gentamycin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycin gây ra trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	VPC-1
2	Iverpac	Ivermectin	Chai	100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, heo	VPC-2
3	Lin 30	Lincomycin HCl	Chai	50; 100ml	Trị viêm phổi trên heo; trị áp xe phổi, viêm vú, nhiễm trùng khớp trên trâu, bò; trị nhiễm trùng mô mềm trên chó, mèo	VPC-3

2. Công ty Bangkok Lab & Cosmetic

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Octasal 10%	Butaphosphan; Vitamin B_{12}	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị rối loạn sinh trưởng, rối loạn chuyển hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	BAC-5

3. Công ty Novartis

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	VertinGard 1% Injection	Ivermectin	Chai	100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu bò, cừu, lợn, chó, mèo	NVT-15
2	VertinGard premix	Ivermectin	Túi	100; 500g; 1; 10; 20; 25 kg	Phòng và trị giun tròn đường ruột, giun thận, giun phổi, ve, rận và ghẻ lở trên lợn	NVT-16
3	Kanagard	Kanamycin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gram(+), Gram(-) và Mycobacterial gây ra trên trâu bò, ngựa, lợn, chó, mèo	NVT-17

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
4	Gentagard®	Gentamycin	Chai	100ml	Trị nhiễm trùng mô mềm, viêm màng trong dạ con, viêm tử cung, bọc mủ tử cung do vi khuẩn gram (-) gây ra trên lợn, gà, chó, mèo	NVT-18
5	Enflogard®	Enrofloxacin	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, lợn	NVT-19

4. Công ty Advance Pharma

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Tyromix-S 10 MX	Tylosin, Sulfamethazine	Gói	100; 500g; 1kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hóa, lỵ trên heo	APT-4

5. Công ty Better Pharma

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Tilmicin 20%	Tilmicosin	Bao	10kg	Trị bệnh hô hấp trên lợn	BP-38
2	Tilmicin solution 25%	Tilmicosin	Chai	240ml	Trị bệnh đường hô hấp trên bê, lợn, gà	BP-40
3	Artxy 500	Amoxicillin trihydrate	Bao	10kg	Trị bệnh viêm màng phổi trên lợn	BP-41
4	Comoxy 500 WSP	Amoxicillin trihydrate, Colistin	Bao	100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa trên heo, gà	BP-42

KOREA

1. Công ty Samyang Anipharm

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	SY Tylo-Dox W.S.P	Doxycycline, Tylosine	Gói, bao	100; 500g; 1; 2; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	SPC-46

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Flofarm-40P	Florfenicol	Gói, bao	100; 500g; 1; 2; 5; 10; 20kg	Trị viêm phổi trên lợn	SPC-47
3	Super AD_3E Sol	Vitamin A, D_3, E	Chai, can	1; 2; 5; 10; 18 lít	Tăng cường miễn dịch, giảm stress do thay đổi khí hậu, bổ sung Vitamin A, D_3, E, tăng khả năng sinh sản trên trâu, bò, lợn, gia cầm	SPC-48

2. Công ty Shinil Biogen

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Amimox	Amoxicillin trihydrate; Gentamycin Sulfate	Chai	50; 100; 500 ml; 1 lít	Trị viêm phổi, tiêu chảy trên bê, lợn con	SIL-29
2	Mytil Sol	Tilmicosin (phosphate)	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tilmicosin gây ra trên bê, nghé, lợn, gà	SIL-30

3. Công ty Daone Chemical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Coxzuril	Toltrazuril	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh tiêu chảy do cầu trùng trên heo con	DOC-12

MALAYSIA

1. Công ty Pahang Pharmacy SDN.BHD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Tri-SQ	Sulfaquinoxaline, Trimethoprim	Túi	112g	Trị cầu trùng trên gia cầm	PPM-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
2	Toricox-25	Toltrazuril	Chai	1 lít	Trị cầu trùng trên gà	PPM-2
3	Porcox-5	Toltrazuril	Chai	1 lít	Trị cầu trùng trên lợn con	PPM-3
4	Florgen-100 (Oral Solution)	Florfenicol	Chai	1 lít	Trị hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gà	PPM-4
5	Enrox-100	Enrofloxacin	Chai	1 lít	Trị nhiễm trùng hô hấp, đường tiêu hóa trên gia cầm	PPM-5
6	Isotyl-250	Tilmicosin	Chai	250ml	Trị bệnh đường hô hấp trên gà	PPM-6

INDIA

1. Công ty P.V.S Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Cotrim FS	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Gói, bao	100; 500g; 1kg	Trị hô hấp, tiêu chảy, viêm ruột trên bê, nghé, heo, gia cầm	PVS-1
2	Cotrim	Sulfadiazine, Trimethoprim	Chai	10; 30; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu chảy, viêm dạ dày-ruột, nhiễm trùng huyết trên bê, nghé, heo, gia cầm	PVS-2
3	E-Cin	Enrofloxacin	Chai	10; 30; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, heo	PVS-3
4	E-Cin WS	Enrofloxacin	Gói, bao	100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên gia cầm	PVS-4
5	Enroliq	Enrofloxacin	Chai	100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, trên gia cầm	PVS-5
6	Dox-N-WS	Doxycycline HCl, Neomycin sulfate	Gói, bao	100; 500g; 1kg	Trị hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, gia cầm	PVS-6

PAKISTAN

1. Công ty Alina Combine Pharmaceuticals

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Amoxinal LA 15%	Amoxycillin	Chai	50; 100; 500ml	Trị viêm nhiễm đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	ACP-1
2	Colimox	Colistin sulphate, Amoxicillin trihydrate	Chai	50; 100; 500ml	Trị viêm phổi, tiêu chảy, viêm nội mạc tử cung, viêm vú, viêm ruột trên bê, nghé, heo	ACP-2
3	Colistin S	Colistin sulphate	Hũ	1kg	Trị viêm nhiễm đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	ACP-3
4	Doctyl WS	Tylosin Tartrate. Doxycycline HCl	Hũ	1kg	Trị viêm nhiễm đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	ACP-4
5	Diox WS	Diaveridine, Sulphaquinoxaline sodium, Vitamin A, K_3, C	Hũ	1kg	Trị cầu trùng manh tràng, cầu trùng ruột non trên gia cầm	ACP-5
6	Dixaline	Diaverdine, Sulphaquinoxaline sodium, Vitamin A, K_3	Hũ	1kg	Trị cầu trùng manh tràng, cầu trùng ruột non trên gia cầm	ACP-6
7	Dixaline Plus	Diaverdine, Sulphaquinoxaline sodium, Vitamin A, K_3	Hũ	1kg	Trị cầu trùng manh tràng, cầu trùng ruột non trên gia cầm	ACP-7

CHINA

1. Công ty Yantai Luye Animal Health Products

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Ironwon-20	Iron dextran, Vitamin B_{12}	Chai	100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt trên bê, nghé, heo con	YLP-1

2. Công ty Hangzhou An-I-Mate Animal Pharmaceutical

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Florcol inj	Florfenicol	Chai	100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, dê, heo	HAP-1

II. DANH MỤC BỔ SUNG, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y

A. DANH MỤC BỔ SUNG, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

HÀ NỘI

1. Xí nghiệp thuốc thú y TW

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Aftovax Bivalent	Kháng nguyên LMLM type O, A	Chai	20; 50; 100; 500ml	Phòng bệnh lở mồm long móng cho trâu, bò, dê, cừu	TW-XI-102

2. Công ty Cổ phần thuốc thú y SVT Thái Dương

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	SUN-Progesteron	Progesterone, Vitamin E	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Dưỡng thai, điều hòa quá trình sinh sản trên bò, ngựa và lợn nái	SVT-45
2	SUN-Estradiol	Estradiol benzoate	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Ngăn chặn sự thụ thai không mong muốn trên chó cái	SVT-51
3	SVT-Antisep	Amino clorua didecyldimethyl; Amino clorua dioctyldimethyl;	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Khử trùng chuồng trại	SVT-58

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
		Amino clorua octyldecyldimethyl; Amino clorua alkyldimethylbenzyl; Glutaraldehyde; Permethrine				

TỈNH KHÁNH HÒA

3. Phân Viện thú y miền Trung

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vắc xin kép tụ huyết trùng - đóng dấu lợn nhược độc, đông khô	Vi khuẩn THT lợn nhược độc chủng AvPs3; vi khuẩn đóng dấu lợn nhược độc chủng Vr2	Lọ	50; 100; 150; 200; 250; 500; 1.000 liều	Phòng bệnh tụ huyết trùng và đóng dấu lợn	TW IV-27
2	Dung dịch pha tiêm	Mono sodium phosphate, Disodium hydrogen phosphate, Phenol red, Sodium chloride, sodium hydroxide	Chai	10; 12; 25; 40; 100; 500ml	Dung dịch pha vắc xin đông khô	TW IV-28

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

4. Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y TW (NAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vắc xin Đậu dê nhược độc đông khô	Virus đậu dê nhược độc chủng GTQ	Chai	25; 50 liều	Phòng bệnh đậu cho dê	TWII-133
2	Aftovax Monovalent type O	Kháng nguyên LMLM type O ($O_{1manisa}$+O_{3039})	Chai	20; 50; 100; 500ml	Phòng bệnh LMLM trên trâu, bò	TWII-135

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Aftovax Bivalent	Kháng nguyên LMLM type O, A	Chai	20; 50; 100; 500ml	Phòng bệnh LMLM trên trâu, bò, dê, cừu	TWII-136
4	Navet-Vifluvac (H5N1 subtype, vô hoạt nhũ dầu)	Virus cúm A/H5N1 chủng NIBRG-14 vô hoạt	Chai	20; 50ml	Phòng bệnh cúm gia cầm subtype H5N1 cho gà, vịt	TWII-137

5. Công ty liên doanh Bio-Pharmachemie

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Biotic	Lactobacillus acidophilus; Bacillus subtillis; Saccharomyces cerevisiae; Aspergillus oryzae; Vitamin A; B_1; B_3; folic acid	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100g; 1; 10kg	Ngăn ngừa tiêu chảy, bệnh đường ruột ở vật nuôi	LD-BP-346
2	Bio-Prozyme	Bacillus subtillis; Saccharomyces cerevisiae; protease; Amylase; Lipase; β glucanase; Xylanase	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100g; 1; 10kg	Ngăn ngừa tiêu chảy, bệnh đường ruột ở vật nuôi	LD-BP-399

6. Công ty TNHH Sản xuất thương mại TOBA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	ST 5	Didecyl dimethyl ammoniumchloride; Dioctyl-dimethylam monium; Octyldecyldimethyl ammonium chloride; Alkyldimethylbenzyl ammonium glutaradehyde	Chai, can	100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Khử trùng, diệt khuẩn, diệt nấm, diệt vi rút	HCM-X31-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
2	ST-menzy	Bacillus subtilis	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g 1; 2; 5kg	Trị tiêu chảy, viêm đại tràng, còi cọc, rối loạn tiêu hóa	HCM-X31-8

TỈNH ĐỒNG NAI

7. Công ty TNHH Y.S.P Việt Nam

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Aseptic Solution	Povidone-Iodine	Chai, can	200; 500 ml; 1; 3.8; 25l	Sát trùng da; sát trùng bầu vú; sát trùng trang thiết bị	YSPV-28

8. Công ty TNHH TM&SX Việt Thọ

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Dovidine	Povidone Iodine	Chai, can	250; 500ml; 1; 5 lít	Sát trùng chuồng trại, vết thương, bầu vú, khử trùng dụng cụ, nguồn nước uống...	VVT-2

TỈNH LONG AN

9. Công ty Cổ phần Interpharma

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Intershampoo	Permethrin	Chai, lọ	100, 250, 500ml, 1 lít	Trị bọ chét, ve, chiggers, chí trên chó	ITP-54

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

10. Công ty TNHH thuốc thú y Á Châu

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Iodine	Povidone iodine	Chai, can	100; 200; 500ml; 1; 2 lít	Thuốc sát khuẩn, chống nấm, sát trùng chuồng trại	APC-183
2	Protect	Glutaraldehyde; Alkylbenzyldimethyl ammonium chloride	Lọ, can	100; 500ml; 1; 2; 5; 20 lít	Tiêu độc chuồng trại, phương tiện vận chuyển, khử trùng máng ăn, máng uống, dụng cụ, sát trùng trực tiếp trên vật nuôi	APC-184

B. DANH MỤC BỔ SUNG, CHẾ PHẨM SINH HỌC, VI SINH VẬT, HÓA CHẤT DÙNG TRONG THÚ Y NHẬP KHẨU

FRANCE

1. Công ty Laboratoires Ceetal

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Dermasept Film	Ortho phenyl phenol; glycerin; isopropyl Alcohol	Chai, bình, can	1; 5; 10; 20 lít	Vệ sinh vú trước, sau khi vắt sữa	LCE-2
2	Dermasept Extra	Ortho phenyl phenol; glycerin; isopropyl Alcohol; Vaseline, food contact pigment	Chai, bình, can	1; 5; 10; 20 lít	Vệ sinh vú trước, sau khi vắt sữa	LCE-3
3	Biocet Dry	Khaolin, Ascophyllum, clay, Yucca Schidigera, Eucalyptus Essential Oil, Orange Essential Oil	Bao	25kg	Sát trùng ngoài da cho lợn con	LCE-4
4	Agrigerm 1510	Didecyl dimethyl ammoniumchloride; Alkyldimethylbenzyl ammonium; Glutaradehyde	Chai, bình, can	1; 5; 10; 20; 220 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi	LCE-5

USA

1. Công ty ProtaTek International, Inc

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Bayovac MycoGuard-2	Mycoplasma hyopneumoniae	Chai	20; 50; 100; 250ml	Phòng bệnh suyễn heo do Mycoplasma hyopneumoniae	PTI-1

NEWZEALAND

1. Công ty Bomac Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Terminator	Glutaraldehyde; Cocobenzyldimethyl ammobium	Chai, thùng	1; 5; 20 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại	BLL-13

THAILAND

1. Công ty Better Pharma

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Beta-Q	Formaldehyde, Glutaraldehyde, Alkyl benzyl dimethyl ammonium chloride	Chai, thùng	1; 20; 200 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại	BP-39

INDONESIA

1. Công ty PT. Medion

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Neo Antisep	Povidione Iodine	Chai, can, thùng	20; 60; 120ml; 1; 5; 20 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, lò ấp	MDI-61

KOREA

1. Công ty Green Gross Veterinary Products

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	PED Oral Vaccine	Virus gây bệnh tiêu chảy truyền nhiễm (PEDV)	Chai	5; 10; 25; 50 iều	Phòng bệnh tiêu chảy truyền nhiễm trên heo con	GGVK-6

2. Công ty Korea Biologicals eNvironmental Products Pharmaceuticals (KBNP), INC

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Himmvac Donoban-GMS	M. hyopneumoniae, S.suis (type 2), H.para suis type 1,4 và 5)	Lọ	50ml	Phòng bệnh viêm phổi địa phương, bệnh do streptococcus, bệnh viêm đa khớp truyền nhiễm trên heo	KPN-5

3. Công ty Samyang Anipharm

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Free zone Sol	Didecyldimethyl Ammonium chloride	Chai, can	1; 2; 5; 10; 18 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, vắt sữa, khử trùng nước	SPC-45

INDIA

1. Công ty Polchem Hygiene Laboratories

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Ammoblast	Ammonial oxidizing Biochemical System; Stabilizers; Catalysts	Túi, gói	1; 5 kg	Thuốc sát trùng chuồng trại chăn nuôi	PHL-1
2	Aquaquat Super	Benzalkonium Chloride Solution I.P; Citric acid IP	Chai, can	1; 5; 35 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại chăn nuôi	PHL-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Diskol ES	Strong Glutaraldenhyde solution BP; Didecyl Ammonium Chloride solution; Formaldehyde solution IP	Chai, can	100 ml; 1; 5; 35 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại chăn nuôi	PHL-3
4	P 101	Didecyl Dimethyl Ammonium Chloride; Benzalkonium Chloride; Bis-n-Tributylin Oxide	Chai, can	1; 5 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại chăn nuôi	PHL-4

MALAYSIA

1. Công ty Pahang Pharmacy SDN.BHD

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Setidin-10%	Povidone Iodine	Chai, can	50; 100; 500ml; 1; 4l	Sát trùng da và vết thương	PPM-7

CHINA

1. Công ty China Animal Husbandry Industry

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Vắc xin PRRS nhược độc chủng JXA1-R	Virus PRRS nhược độc chủng JXA1-R	Chai	10; 20; 50 liều	Phòng hội chứng rối loạn hô hấp và sinh sản (PRRS) trên heo	CME-3

2. Công ty Shandong Sinder Technology

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Infectious Bursal Disease Antibody	Kháng thể Gumboro	Lọ	100ml; 250ml	Phòng và trị bệnh Gumboro trên gà	SST-1
2	Duck Virus Hepatitis Antibodies Extracted from Chicken Egg-Yolk	Kháng thể viêm gan vịt	Lọ	50ml; 100ml; 250ml	Phòng và trị bệnh viêm gan vịt	SST-2

3. Công ty Zhaoqing Dahuanong Biology Medicine

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính (chủng VSV)	Dạng đóng gói	Khối lượng/ thể tích	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Reasortant Avian Influenza Virus Vaccine, Inactived (H_5N_1 subtype, Re-1 strain)	Vi rút cúm gia cầm tái tổ hợp (subtype H_5N_1, Re-1 strain), vô hoạt	Lọ	250ml	Phòng bệnh cúm gia cầm trên gà, vịt, ngỗng	ZDB-1

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Diệp Kỉnh Tần

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 72/2012/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2012*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn thực hiện mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

Điều 1. Mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi

Điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành tại Thông tư số 39/2012/TT-BTC ngày 08/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi thành mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Thông tư số 39/2012/TT-BTC ngày 08/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

DANH MỤC
THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI MỘT SỐ MẶT HÀNG THUỘC NHÓM 2710
(Ban hành kèm theo Thông tư số 72/2012/TT-BTC ngày 10/5/2012 của Bộ Tài chính)

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
27.10	**Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, trừ dầu thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó; dầu thải**	
	- Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum (trừ dầu thô) và các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó, trừ nhiên liệu sinh học và trừ dầu thải:	
2710.12	- - Dầu nhẹ và các chế phẩm:	
	- - - Xăng động cơ:	
2710.12.11	- - - - RON 97 và cao hơn, có pha chì	2
2710.12.12	- - - - RON 97 và cao hơn, không pha chì	2
2710.12.13	- - - - RON 90 và cao hơn, nhưng dưới RON 97 có pha chì	2
2710.12.14	- - - - RON 90 và cao hơn, nhưng dưới RON 97 không pha chì	2
2710.12.15	- - - - Loại khác, có pha chì	2
2710.12.16	- - - - Loại khác, không pha chì	2
2710.12.20	- - - Xăng máy bay, trừ loại sử dụng làm nhiên liệu máy bay phản lực	2
2710.12.30	- - - Tetrapropylen	2
2710.12.40	- - - Dung môi trắng (white spirit)	2
2710.12.50	- - - Dung môi có hàm lượng cấu tử thơm thấp dưới 1% tính theo trọng lượng	2
2710.12.60	- - - Dung môi nhẹ khác	2
2710.12.70	- - - Naphtha, reformate và các chế phẩm khác để pha chế xăng động cơ	2
2710.12.80	- - - Alpha olefin khác	2
2710.12.90	- - - Loại khác	2

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
2710.19	- - Loại khác:	
2710.19.20	- - - Dầu thô đã tách phần nhẹ	5
2710.19.30	- - - Nguyên liệu để sản xuất than đen	5
	- - - Dầu và mỡ bôi trơn:	
2710.19.41	- - - - Dầu khoáng đã tinh chế để sản xuất dầu bôi trơn	5
2710.19.42	- - - - Dầu bôi trơn cho động cơ máy bay	5
2710.19.43	- - - - Dầu bôi trơn khác	5
2710.19.44	- - - - Mỡ bôi trơn	5
2710.19.50	- - - Dầu dùng trong bộ hãm thủy lực (dầu phanh)	3
2710.19.60	- - - Dầu biến thế và dầu dùng cho bộ phận ngắt mạch	5
	- - - Nhiên liệu diesel; các loại dầu nhiên liệu:	
2710.19.71	- - - - Nhiên liệu diesel cho ôtô	2
2710.19.72	- - - - Nhiên liệu diesel khác	2
2710.19.79	- - - - Dầu nhiên liệu	3
2710.19.81	- - - Nhiên liệu động cơ máy bay (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy từ 23°C trở lên	2
2710.19.82	- - - Nhiên liệu động cơ máy bay (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy dưới 23°C	2
2710.19.83	- - - Các kerosine khác	3
2710.19.89	- - - Dầu trung khác và các chế phẩm	15
2710.19.90	- - - Loại khác	3
2710.20.00	- Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum (trừ dầu thô) và các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa từ 70% trọng lượng trở lên là dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó, có chứa dầu diesel sinh học, trừ dầu thải	5
	- Dầu thải:	
2710.91.00	- - Có chứa biphenyl đã polyclo hóa (PCBs), terphenyl đã polyclo hóa (PCTs) hoặc biphenyl đã polybrom hóa (PBBs)	20
2710.99.00	- - Loại khác	20

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 05/2012/TT-BVHTTDL	*Hà Nội, ngày 02 tháng 5 năm 2012*

THÔNG TƯ
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 185/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ

1. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 như sau:

"3. Cục trưởng Cục Nghệ thuật biểu diễn cấp giấy phép lưu hành băng, đĩa ca nhạc, sân khấu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Quy chế.

Cục Nghệ thuật biểu diễn, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp nhãn kiểm soát băng, đĩa ca nhạc, sân khấu quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy chế.

Đơn đề nghị cấp nhãn kiểm soát băng, đĩa ca nhạc, sân khấu (Mẫu 1).".

2. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"**Điều 6.** Thủ tục thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật tại các cơ sở lưu trú du lịch, nhà hàng ăn uống, giải khát

Ít nhất 03 ngày trước ngày tổ chức biểu diễn, cơ sở lưu trú du lịch, nhà hàng ăn uống, giải khát tổ chức cho đoàn nghệ thuật, nghệ sĩ nước ngoài biểu diễn tại cơ sở của mình, không bán vé thu tiền xem biểu diễn quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế phải thực hiện thông báo bằng văn bản với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi tổ chức biểu diễn.

Thông báo bằng văn bản phải ghi rõ: Tên chương trình, vở diễn; nội dung chương trình, vở diễn; danh sách tác giả, đạo diễn, biên đạo, nhạc sĩ, họa sĩ, diễn viên; thời gian, địa điểm biểu diễn (Mẫu 2)."

3. Bãi bỏ mẫu số 1 và mẫu số 2.

4. Bãi bỏ khoản 3 Điều 10.

5. Bãi bỏ khoản 4 Điều 12.

6. Điều 13 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2, khoản 3 như sau:

"2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường thực hiện theo quy định tại điểm g, điểm i khoản 6 Điều 2 Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh karaoke (Mẫu 3).

3. Cơ quan cấp giấy phép kinh doanh có trách nhiệm kiểm tra điều kiện thực tế của người xin giấy phép kinh doanh và đối chiếu với quy hoạch để cấp giấy phép.".

7. Bổ sung khoản 4 Điều 13 như sau:

"4. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nộp lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính tại thời điểm đề nghị cấp phép."

Điều 2. Sửa đổi một số điều của Thông tư số 07/2001/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Mẫu 23 được sửa đổi như sau:

Bỏ điểm 3 "Người điều hành hoạt động trực tiếp tại phòng khiêu vũ".

Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vũ trường (Mẫu 4).

2. Mẫu 24 được sửa đổi như sau:

Bỏ cụm từ "3. Người điều hành hoạt động trực tiếp tại phòng khiêu vũ phải có trình độ trung cấp chuyên ngành văn hóa - nghệ thuật trở lên" và cụm từ "Giấy phép này có giá trị đến hết ngày … tháng … năm ...".

Giấy phép kinh doanh vũ trường (Mẫu 5).

Điều 3. Sửa đổi một số điều của Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT ngày 05 tháng 8 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin ban hành Quy chế sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu hành, kinh doanh băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình ca nhạc, sân khấu

Bãi bỏ khoản 1 và khoản 2 Điều 9 Quy chế sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu hành, kinh doanh băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình ca nhạc, sân khấu ban hành kèm theo Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 6 năm 2012.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Hoàng Tuấn Anh

Mẫu 1

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

……., ngày… tháng…. năm….

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP NHÃN KIỂM SOÁT BĂNG, ĐĨA CA NHẠC, SÂN KHẤU

Kính gửi: Cục Nghệ thuật biểu diễn *(đối với tổ chức, cá nhân thuộc trung ương)*
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch *(đối với tổ chức, cá nhân ở địa phương)* .....

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp nhãn kiểm soát băng, đĩa ca nhạc, sân khấu

(viết bằng chữ in hoa):.....

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:.....

2. Nội dung đề nghị cấp nhãn kiểm soát

- Tên băng, đĩa:

- Số, ngày tháng năm Quyết định cho phép lưu hành:

- Số lượng nhãn kiểm soát:

3. Cam kết

- Thực hiện đúng các quy định về phát hành, lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và các quy định của pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC/
CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)
Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

Mẫu 2

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

……....., ngày…… tháng…. năm….

THÔNG BÁO TỔ CHỨC
CHO ĐOÀN NGHỆ THUẬT, NGHỆ SĨ NƯỚC NGOÀI BIỂU DIỄN

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch .....

1. Tên tổ chức, cá nhân thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật
(viết bằng chữ in hoa).....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: .....
- Giấy CMND (đối với cá nhân): Số..... ngày cấp..../...../.... nơi cấp.....

2. Người đại diện theo pháp luật *(đối với tổ chức)*
- Họ và tên *(viết chữ in hoa):* .....
- Năm sinh: .....
- Chức danh: .....
- Giấy CMND: Số..... ngày cấp...../...../..... nơi cấp.....

3. Nội dung thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật
- Tên chương trình, vở diễn: .....
- Nội dung chương trình, vở diễn: .....
- Người biểu diễn (ghi rõ tên và quốc tịch của đoàn nghệ thuật và của từng người)*: .....
- Thời gian biểu diễn: .....
- Địa điểm biểu diễn: .....

4. Cam kết
- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 103/2009/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan khi tổ chức biểu diễn nghệ thuật.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật./.

Ghi chú: (*) Trường hợp đoàn nghệ thuật có nhiều người thì có thể lập danh sách kèm theo.	**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP** *Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)* *Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)*

Mẫu 3

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

……., ngày…. tháng…. năm….

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH KARAOKE

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch .....
(hoặc cơ quan cấp huyện được phân cấp)

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh

(viết bằng chữ in hoa) .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: .....

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp..... nơi cấp ….....

2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép

- Địa chỉ kinh doanh: .....

- Tên nhà hàng karaoke (nếu có):.....

- Số lượng phòng karaoke:.....

- Diện tích cụ thể từng phòng: .....

3. Cam kết

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 103/2009/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan khi hoạt động kinh doanh;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ xin giấy phép kinh doanh./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC/
CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)
Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)

Mẫu 4

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

……., ngày…… tháng……. năm…….

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH VŨ TRƯỜNG

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.....

1. Tên tổ chức đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh

(viết bằng chữ in hoa) .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: .....

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp..... nơi cấp…..... *(đối với doanh nghiệp)*

- Số, ngày tháng năm quyết định thành lập *(đối với nhà văn hóa, trung tâm văn hóa là đơn vị sự nghiệp)* .....

2. Người đại diện theo pháp luật

- Họ và tên *(viết bằng chữ in hoa):* .....

- Năm sinh: .....

- Chức danh: .....

- Giấy CMND: Số..... ngày cấp...../...../..... nơi cấp .....

3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép

- Địa chỉ kinh doanh: .....

- Số lượng phòng khiêu vũ: .....

- Diện tích cụ thể của từng phòng khiêu vũ:.....

4. Cam kết

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 103/2009/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan khi hoạt động kinh doanh;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ xin giấy phép kinh doanh./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu 5

NHỮNG ĐIỀU KIỆN PHẢI THỰC HIỆN

1. Phòng khiêu vũ phải có diện tích từ $80m^2$ trở lên.
2. Đảm bảo các điều kiện về an ninh, trật tự, cách âm, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường theo quy định.
3. Bảo đảm âm thanh vang ra ngoài phòng khiêu vũ không vượt quá quy định của Nhà nước và tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép. Ánh sáng trong phòng khiêu vũ trên 10 Lux tương đương 01 bóng đèn sợi đốt 40W cho $20m^2$.
4. Có nội quy hoạt động được niêm yết công khai ở vũ trường để mọi người dễ nhận biết và thực hiện.
5. Chỉ sử dụng những bài hát, tác phẩm âm nhạc được phép lưu hành để khiêu vũ; người khiêu vũ phải mặc trang phục lịch sự.
6. Khi phát hiện người say rượu, bia, người sử dụng các chất ma túy và các chất kích thích bị cấm sử dụng phải yêu cầu người đó ra khỏi vũ trường;
7. Không cho người dưới 18 tuổi làm việc hoặc vào khiêu vũ tại vũ trường;
8. Nếu sử dụng nhân viên phục vụ phải có hợp đồng lao động và quản lý theo quy định của pháp luật về hợp đồng lao động.
9. Không được hoạt động sau 12 giờ đêm đến 8 giờ sáng, trừ khách sạn từ 4 sao trở lên được hoạt động không quá 2 giờ sáng.
10. Nghiêm cấm các hành vi nhảy múa thoát y hoặc các hành vi khác có tính chất khiêu dâm, môi giới và mua bán dâm, mua, bán hoặc sử dụng ma túy tại vũ trường.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH,
THÀNH PHỐ.....

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO
VÀ DU LỊCH

GIẤY PHÉP
KINH DOANH VŨ TRƯỜNG

Năm 20.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP
KINH DOANH VŨ TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỈNH, THÀNH PHỐ.....
CẤP GIẤY PHÉP CHO:

- Tên tổ chức được cấp giấy phép *(viết chữ in hoa)*:.....
.....
- Địa chỉ: .....
.....
- Họ và tên người đại diện: .....
- Năm sinh:...../...../.....
- Chức vụ: .....
- Địa chỉ kinh doanh: .....
- Số lượng phòng khiêu vũ: .....
(Những nội dung cần thiết khác.....)

....., ngày..... tháng..... năm.....
GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1083/QĐ-BTC	*Hà Nội, ngày 02 tháng 5 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đính chính Thông tư số 16/2012/TT-BTC ngày 08/02/2012 của Bộ Tài chính quy định in, phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 ngày 03/6/2008;

Căn cứ Nghị định số 100/2010/NĐ-CP ngày 28/9/2010 của Chính phủ về Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Khoản 7, Điều 1 Nghị định số 09/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính một số kỹ thuật trình bày văn bản tại Thông tư số 16/2012/TT-BTC ngày 08/02/2012 của Bộ Tài chính quy định in, phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia như sau:

1. Tại Khoản 1 Điều 6 đã in là:

"a. …"

"b. …"

"c. …"

"d. …"

Sửa lại là:

"a) …"

"b) …"

"c) …"

"d) …"

2. Tại Khoản 2 Điều 6 đã in là:

"a. …"

"b. …"

"c. …"

Sửa lại là:

"a) …"

"b) …"

"c) …"

3. Tại Khoản 3 Điều 6 đã in là:

"a. …"

"b. …"

Sửa lại là:

"a) …"

"b) …"

4. Tại Khoản 2 Điều 11 đã in là:

"e) …"

Sửa lại là:

"đ) …"

5. Tại Khoản 1 Điều 13 đã in là:

"d) …"

Sửa lại là:

"c) …"

6. Tại Khoản 2, Điều 13 đã in là:

"- …"

"- …"

"- …"

Sửa lại là:

"a) …"

"b) …"

"c) …"

7. Tại Khoản 2, Điều 15 đã in là:

"- …"

"- …"

"- …"

"- …"

"- …"

Sửa lại là:

"a) …"

"b) …"

"c) …"

"d) …"

"đ) …"

8. Tại Khoản 2, Điều 17 đã in là:

"- …"

"- …"

"- …"

"- …"

Sửa lại là:

"a) …"

"b) …"

"c) …"

"d) …"

9. Tại Khoản 1, Điều 18 đã in là:

"- …"

"- …"

Sửa lại là:

"a) …"

"b) …"

10. Tại Khoản 1, Điều 19 đã in là:

"a. …"

"b. …"

"c. …"

"đ) …"

Sửa lại là:

"a) …"

"b) …"

"c) …"

"d) …"

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ thời điểm Thông tư số 16/2012/TT-BTC có hiệu lực và là một phần không tách rời của Thông tư số 16/2012/TT-BTC ngày 08/02/2012 của Bộ Tài chính quy định in, phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc in, phát hành và sử dụng hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia thực hiện đầy đủ các hướng dẫn tại Thông tư số 16/2012/TT-BTC ngày 08/02/2012 của Bộ Tài chính và đính chính tại Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị báo cáo kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

TUQ. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Đức Chi

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng